

# **CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
CHO QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

Hà nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính tổng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

#### Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông	:	Hồ Huy	Chủ tịch
Ông	:	Hồ Chương	Phó Chủ tịch
Ông	:	Mai Hoàng Sơn	Thành viên
Ông	:	Hồ Quốc Phi	Thành viên
Ông	:	Đỗ Văn Thắng	Thành viên
Ông	:	Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông	:	Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên

#### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông	:	Hồ Chương	Tổng Giám đốc
Ông	:	Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông	:	Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà	:	Vũ Thị Thanh Mai	Trưởng ban
Ông	:	Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên
Ông	:	Tiêu Văn Hòa	Thành viên
Bà	:	Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Ông	:	Vũ Thanh Hải	Thành viên

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*1*  
Tp. Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HỒ CHƯƠNG**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>492,269,930,943</b>	<b>457,364,444,777</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương ti</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>8,420,521,065</b>	<b>31,233,786,905</b>
1. Tiền	111		8,420,521,065	31,233,786,905
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>42,000,000</b>	<b>42,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346,000,000	346,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán k	122		(304,000,000)	(304,000,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>478,686,049,903</b>	<b>421,879,562,429</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		39,015,084,211	50,958,286,450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,331,971,945	3,407,340,330
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		22,650,000,000	11,650,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.2	451,356,905,542	391,400,521,392
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đ	137		(37,667,911,795)	(35,536,585,743)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,426,133,308</b>	<b>2,094,728,705</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,426,133,308	2,094,728,705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,695,226,667</b>	<b>2,114,366,738</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,695,226,667	2,114,366,738
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>774,853,094,489</b>	<b>817,343,748,257</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50,189,142,400</b>	<b>49,732,485,558</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		48,215,000,000	48,215,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		1,974,142,400	1,517,485,558
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đ	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>270,820,016,162</b>	<b>300,147,556,629</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.3	259,011,935,030	248,032,981,961
- Nguyên giá	222		483,431,663,744	444,584,359,306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224,419,728,714)	(196,551,377,345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.4	11,808,081,132	52,114,574,668
- Nguyên giá	225		32,555,964,051	84,524,098,608
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20,747,882,919)	(32,409,523,940)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78,897,000	78,897,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78,897,000)	(78,897,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.6</b>	<b>178,481,717,259</b>	<b>182,447,977,647</b>
- Nguyên giá	231		198,313,019,200	198,313,019,200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19,831,301,941)	(15,865,041,553)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất đình doanh dở da	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>251,964,337,029</b>	<b>251,964,337,029</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		194,906,708,448	194,906,708,448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252	4.8	79,000,000,000	79,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18,546,000,000	18,546,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.7	(40,488,371,419)	(40,488,371,419)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23,397,881,639</b>	<b>33,051,391,394</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	23,397,881,639	27,782,268,259
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	-	5,269,123,135
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>4.9</b>	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,267,123,025,432</b>	<b>1,274,708,193,034</b>




....

NGUỒN VỐN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Tại ngày	Tại ngày
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>725,019,416,293</b>	<b>738,135,549,516</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>359,674,764,564</b>	<b>309,361,317,667</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	32,967,016,562	11,491,467,003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		528,175,364	1,099,958,532
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà n	313		3,113,094,416	5,997,587,653
4. Phải trả người lao động	314	4.11	4,708,287,586	4,879,360,386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8,120,714,682	7,939,509,417
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		743,343,951	79,050,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	172,893,566,522	134,793,304,535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		132,410,169,584	63,281,837,244
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,190,395,897	828,292,897
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>365,344,651,729</b>	<b>428,774,231,849</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.8	274,595,281,589	267,868,924,843
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		90,749,370,140	160,905,307,006
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.15</b>	<b>542,103,609,139</b>	<b>536,572,643,518</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>542,103,609,139</b>	<b>536,572,643,518</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486,253,320,000	486,253,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu qu	411a		486,253,320,000	486,253,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12,600,000,000)	(12,600,000,000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,214,045,652	23,214,045,652
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân ph	421		40,236,243,487	39,705,277,866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		7,377,414,088	39,705,277,866
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32,858,829,399	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,267,123,025,432</b>	<b>1,274,708,193,034</b>



Nguyễn Văn Nga  
Người lập biểu



Trịnh Thị Thu  
Kế toán trưởng



Hồ Chương  
Tổng Giám Đốc



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính tổng hợp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>39,675,031,145</b>	<b>39,845,240,648</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định (*)	02	(74,575,632,910)	75,458,969,185
- Các khoản dự phòng	03	2,131,326,052	4,324,627,663
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54,194,225,226)	(14,283,610,722)
- Chi phí lãi vay	06	24,121,841,170	36,683,441,414
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>86,309,606,051</b>	<b>142,028,668,188</b>
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(102,862,419,248)	(101,404,136,973)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	668,595,397	187,100,934
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(45,566,050,812)	166,561,211,447
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2,803,526,691	2,066,797,808
- Lãi tiền vay đã trả	13	(23,790,259,074)	(36,219,186,913)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,691,713,257)	(542,897,367)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	116,605,833
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(280,800,000)	(808,239,632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4,722,587,372</b>	<b>171,985,923,325</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(61,879,276,368)	(75,047,856,881)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	53,942,680,382	26,131,628,537
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11,000,000,000)	(8,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8,812,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3,901,461,880	2,128,266,200
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,440,441,195	8,552,494,049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6,594,692,911)</b>	<b>(55,547,468,095)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32	-	-



*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính tổng hợp*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

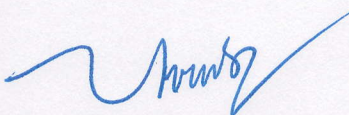
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
doanh nghiệp đã phát hành			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	208,052,793,083	138,294,727,882
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185,868,440,810)	(204,346,630,167)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(23,211,956,799)	(16,426,192,345)
	36	(19,913,555,775)	(12.018.686.864)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20,941,160,301)</b>	<b>(94,496,781,494)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(22,813,265,840)</b>	<b>21,941,673,736</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>31,233,786,905</b>	<b>9,292,113,169</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8,420,521,065</b>	<b>31,233,786,905</b>

TP Hà Nội, Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Văn Nga

Trịnh Thị Thu

Hồ Chương

....

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính tổng hợp***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

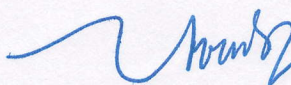
Quý IV Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	1/10/2015- 31/12/2015 VND	1/10/2014- 31/12/2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	153,005,267,738	194,882,090,925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	830,935,118	893,586,448
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>152,174,332,620</b>	<b>193,988,504,477</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	118,177,524,840	172,102,735,238
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>33,996,807,780</b>	<b>21,885,769,239</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	97,148,125,567	16,285,374,329
7. Chi phí tài chính	22	5.4	69,762,359,818	7,948,035,828
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,524,802,209	7,447,696,551
8. Chi phí bán hàng	24		24,480,503,119	6,036,972,877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	9,601,301,951	6,779,086,157
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27,300,768,459</b>	<b>17,407,048,706</b>
			-	
11. Thu nhập khác	31	5.6	15,293,424,299	15,505,333,533
12. Chi phí khác	32	5.7	2,985,911,587	5,968,254,159
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>12,307,512,712</b>	<b>9,537,079,374</b>
<b>14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>45</b>		-	
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>39,608,281,171</b>	<b>26,944,128,080</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	2,179,373,388	4,478,405,989
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	4,636,828,358	(965,133,251)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>32,792,079,425</b>	<b>23,430,855,342</b>



Nguyễn Văn Nga  
Người lập biểu

Hà Nội, Ngày 20 tháng 01 năm 2016



Trịnh Thị Thu  
Kế toán trưởng



Hồ Chương  
Tổng Giám Đốc



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

**Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc**, tiền thân là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ được chuyển đổi từ Công ty TNHH Mai Linh Hà Nội, thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001. Các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 4 năm 2014.

Tên giao dịch : **MAI LINH NORTH JOINT STOCK**

Tên viết tắt : **MAI LINH NORTH., JSC**

Trụ sở chính : Lô C2C Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 của Công ty là 486.253.320 đồng được chia thành 48.625.332 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Cty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, TP.HCM.
2	Chi nhánh Cty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	197 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng thủy điện;
- Khai thác vận hành dịch vụ với các khu chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng, khu đô thị;
- Vận tải hành khách bằng taxi; Kinh doanh vận tải theo tuyến cố định, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ; Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp; Đại lý bán bảo hiểm;
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đào tạo dạy nghề nghiệp vụ taxi; Tư vấn du học;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm; Đại lý dịch vụ viễn thông; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ bán vé tàu thủy, tàu lửa; Đại lý vận tải; Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa; Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải;

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý và mua bán ô tô; Bán lẻ ô tô con; Đại lý bán lẻ xăng dầu; Các dịch vụ khác.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm niên độ kế toán.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05	năm
- Máy móc thiết bị quản lý	03 – 05	năm
- Phương tiện vận tải	06 – 09	năm
- Tài sản cố định khác	05	năm
- Tài sản cố định vô hình	05	năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm*

## **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **12. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

## **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### *Thuế hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## **14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## **15. Công cụ tài chính**

### **a. Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

#### *Công nợ tài chính*

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

b. Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*(Phần tiếp theo)*

20  
12  
II  
B  
T

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và tương đương tiền**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Tiền mặt	51,716,316	27,628,819
Tiền gửi ngân hàng	8,368,804,749	31,206,158,086
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8,420,521,065</b>	<b>31,233,786,905</b>

**2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)</b>	<b>346,000,000</b>	<b>346,000,000</b>
Cổ phiếu Công ty Dầu khí PVF	346,000,000	346,000,000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)</b>	<b>(304,000,000)</b>	<b>(304,000,000)</b>
Cổ phiếu Công ty Dầu khí PVF	(304,000,000)	(304,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>42,000,000</b>	<b>42,000,000</b>

**3 Phải thu khách hàng**

Công ty CP ĐT Interland	19,813,538,120	23,715,000,000
Cty CTTC Ngân hàng Ngoại thương		5,868,000,000
Công ty cổ phần Mai Linh Đông Đô		2,500,000,000
Các khách hàng khác	19,201,546,091	18,875,286,450
<b>Cộng</b>	<b>39,015,084,211</b>	<b>50,958,286,450</b>

**4 Phải thu về cho vay**

**a Cho vay ngắn hạn**

Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh	8,000,000,000	3,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An	5,000,000,000	
Công ty cổ phần VTTT Mai Linh\	3,500,000,000	2,500,000,000
Công ty cổ phần Mai Linh Miền Nam	3,150,000,000	3,150,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3,000,000,000	3,000,000,000
	<b>22,650,000,000</b>	<b>11,650,000,000</b>

**b.Cho vay dài hạn**

Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh	48,215,000,000	48,215,000,000
	<b>48,215,000,000</b>	<b>48,215,000,000</b>



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

### 5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Các cty thành viên thuộc Tập đoàn (*)	405,993,416,037	279,187,220,188
Phải thu đầu tư vào công ty Telin Vạn Hương		64,000,000,000
Thuế GTGT được khấu trừ của TS thuê TC	-	1,649,506,654
Phải thu của người lao động	1,151,571,209	2,988,297,874
Phải thu trả góp xe HTKD	23,046,993,038	31,661,105,267
Phải thu thuế được hoàn	3,481,207,326	
Phải thu ký cược ký quỹ	900,000,000	1,554,142,400
Phải thu tạm ứng	3,805,704,066	5,830,125,406
Phải thu khác	12,978,013,866	4,530,123,603
<b>Cộng</b>	<b>451,356,905,542</b>	<b>391,400,521,392</b>

### Chi tiết phải thu theo Tập đoàn

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
MLG và các Công ty con trực tiếp	374,277,736,098	248,202,043,128
Tập đoàn Bắc Trung Bộ	-	-
Tập đoàn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	-
Tập đoàn Đông Nam Bộ	-	-
Tập đoàn Tây Nam Bộ	-	-
Tập đoàn Taxi	-	-
Tập đoàn Sản xuất & Thương Mại	-	-
Tập đoàn Vận tải tốc hành (MLE)	21,189,931,556	20,947,108,556
Tập đoàn Du lịch (MLT)	10,525,748,383	10,038,068,504
<b>Cộng</b>	<b>405,993,416,037</b>	<b>279,187,220,188</b>

### 6 Hàng tồn kho

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Hàng mua đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	1,401,951,520	2,002,365,069
Công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	24,181,788	92,363,636
Hàng gửi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
<b>Cộng giá gốc Hàng tồn kho</b>	<b>1,426,133,308</b>	<b>2,094,728,705</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>1,426,133,308</b>	<b>2,094,728,705</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

## 7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Chi phí trả trước mua bảo hiểm	3,303,571,853	1,709,392,004
Chi phí trả trước CCDC	-	-
Chi phí trả trước khác	391,654,814	404,974,734
<b>Cộng</b>	<b>3,695,226,667</b>	<b>2,114,366,738</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Xe hợp tác kinh doanh		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ khác	
	1	2	3	4	5	6						
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2015	260.000.000	331.030.070	183.264.932.602	259.052.412.458	1.600.984.176	75.000.000	444.584.333					
Mua sắm	110.000.000		86.366.576.368				86.476.576					
Đầu tư XD/CB hoàn thành												
Chuyển sang xe HTKD				(78.397.161.310)		78.397.161.310						
Phân loại lại												
Thanh lý, nhượng bán			(28.120.209.506)	(43.575.933.855)								-71.696.141
Tặng khác			24.066.871.431									24.066.871
Giảm khác												
Tại ngày 31/12/2015	370.000.000	331.030.070	187.181.009.585	293.873.639.913	1.600.984.176	75.000.000	483.431.600					
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Tại ngày 01/01/2015	212.333.317	331.030.070	59.638.444.347	135.102.651.374	1.221.918.237	45.000.000	196.551.333					
Khấu hao trong năm	52.249.997		22.614.617.537	39.985.696.805	179.420.501	15.000.000	62.846.999					
Chuyển sang xe HTKD			(35.876.209.902)	35.876.209.902								
Phân loại lại												
Thanh lý, nhượng bán			(40.780.852.946)	(30.196.040.163)								-70.976.889
Tặng khác			35.998.259.638									35.998.259
Giảm khác												
Tại ngày 31/12/2015	264.583.314	331.030.070	41.594.258.674	180.768.517.918	1.401.338.738	60.000.000	224.419.772					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Tại ngày 01/01/2015	47.666.683	-	123.626.488.255	123.949.761.084	379.065.939	30.000.000	248.032.999					
Tại ngày 31/12/2015	105.416.686	-	145.586.750.911	113.105.121.995	199.645.438	15.000.000	259.011.999					

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp.*

**9. Tài sản cố định thuê TC**

	1	2	Cộng VND
Mức, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND		VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>		<b>84.524.098.608</b>	<b>84.524.098.608</b>
Thuê Tài chính trong năm			-
Mua lại TS thuê	(24.066.871.431)		(24.066.871.431)
Tặng khác			-
Trả lại TS thuê			-
Giảm khác (Thanh lý, nhượng bán)	(27.901.263.126)		(27.901.263.126)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>-</b>	<b>32,555,964,051</b>	<b>32,555,964,051</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>		<b>32,409,523,940</b>	<b>32,409,523,940</b>
Khấu hao trong năm		7.762.387.682	7.762.387.682
Mua lại TS thuê	(8.752.006.966)		(8.752.006.966)
Tặng khác (*)			-
Trả lại TS thuê			-
Giảm khác (Thanh lý, nhượng bán)	(10.672.021.737)		(10.672.021.737)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>-</b>	<b>20,747,882,919</b>	<b>20,747,882,919</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	52,114,574,668	52,114,574,668
Tại ngày 31/12/2015	-	11,808,081,132	11,808,081,132



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính.

**10. Tài sản cố định vô hình**

1

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	78.897.000	78.897.000
Thuê Tài chính trong năm		-
Mua lại TS thuê		-
Tặng khác		-
Trả lại TS thuê		-
Giảm khác		-
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>78,897,000</b>	<b>78,897,000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	78,897,000	78,897,000
Khấu hao trong năm		-
Mua lại TS thuê		-
Tặng khác (*)		-
Trả lại TS thuê		-
Giảm khác		-
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>78,897,000</b>	<b>78,897,000</b>

**11. Bất động sản đầu tư**

	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	198,313,019,200	198,313,019,200
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>198,313,019,200</b>	<b>198,313,019,200</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	15,865,041,553	15,865,041,553
Khấu hao trong năm	3,966,260,388	3,966,260,388
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>19,831,301,941</b>	<b>19,831,301,941</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	<b>182,447,977,647</b>	<b>182,447,977,647</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>178,481,717,259</b>	<b>178,481,717,259</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

**12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Đầu tư tài chính, đầu tư vào con	194,906,708,448	194,906,708,448
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết <i>- Công ty Nam Trung Bộ và Tây Nguyên</i>	79,000,000,000	79,000,000,000
Đầu tư cổ phiếu	-	-
Đầu tư trái phiếu	-	-
Đầu tư dài hạn khác	18,546,000,000	18,546,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư	(40,488,371,419)	(40,488,371,419)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính DH</b>	<b>251,964,337,029</b>	<b>251,964,337,029</b>

**12.1 đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	11,100,000,000	11,100,000,000
Công ty cổ phần Mai Linh Hạ Long	20,028,413,448	20,028,413,448
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	10,400,000,000	10,400,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	12,000,000,000	12,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	11,116,295,000	11,116,295,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	4,000,000,000	4,000,000,000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	20,366,000,000	20,366,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	3,800,000,000	3,800,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	3,600,000,000	3,600,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	9,500,000,000	9,500,000,000
Công ty cổ phần Mai Linh Thủ Đức	25,463,000,000	25,463,000,000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	38,733,000,000	38,733,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	1,800,000,000	1,800,000,000
	<b>194,906,708,448</b>	<b>194,906,708,448</b>

**12.2. Đầu tư dài hạn khác**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Công ty CP Mai Linh Đông Đô	16,626,000,000	16,626,000,000
Công ty CP Đ. tư đô thị ML Thăng Long	1,920,000,000	1,920,000,000
	<b>18,546,000,000</b>	<b>18,546,000,000</b>

**13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty CP ML Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	40,488,371,419	40,488,371,419
	<b>40,488,371,419</b>	<b>40,488,371,419</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

14 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Chi phí trả trước mua bảo hiểm	-	-
Chi phí thiết bị, CCDC	263,085,252	129,517,397
Chi phí sửa chữa lớn TSCD	1,330,113,945	2,854,353,391
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí quảng cáo	-	-
Chi phí thuê nhãn hiệu(1)	20,377,272,724	23,819,696,966
Chi phí trả trước khác	1,427,409,718	978,700,505
<b>Cộng</b>	<b>23,397,881,639</b>	<b>27,782,268,259</b>

**Ghi chú:(1)** Là chi phí nhãn hiệu thuê của Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền đã bao gồm thuế GTGT là 56.800.000.000 đồng, giá trị phân bổ từ năm là 3.442.424.242 đồng, không phụ thuộc vào số lượng xe kinh doanh

15 Phải trả người bán

Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	14,854,000,000	
Công ty TNHH Toyota Long Biên	9,110,500,000	
Công ty TNHH Ô tô Hyundai Giải Phóng		4,830,000,000
Khác	9,002,516,562	6,661,467,003
	<b>32,967,016,562</b>	<b>11,491,467,003</b>

16 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Vay ngân hàng	2,150,983,241	-
Vay tổ chức, cá nhân khác	22,580,000,000	7,457,705,479
Nợ dài hạn đến hạn trả	105,199,586,343	42,035,976,605
- Các khoản vay Ngân hàng	36,693,454,850	42,035,976,605
- Các khoản vay cá nhân	68,506,131,493	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2,479,600,000	13,788,155,160
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>132,410,169,584</b>	<b>63,281,837,244</b>

17. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Vay ngân hàng	61,605,107,540	60,728,538,847
Vay tổ chức, cá nhân khác	26,871,295,950	86,000,399,878
Nợ dài hạn thuê tài chính	2,272,966,650	14,176,368,281
Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90,749,370,140</b>	<b>160,905,307,006</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm

## 18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Thuế GTGT phải nộp	596,174,834	2,010,931,810
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,929,373,389	3,441,713,258
Thuế thu nhập cá nhân	587,546,193	544,942,585
Thuế thu hộ xe hợp tác kinh doanh phải nộp	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3,113,094,416</b>	<b>5,997,587,653</b>

## 19 Chi phí phải trả

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Trích trước tiền lương	3,169,414,662	3,091,287,450
Chi phí phải trả lãi vay	4,663,858,226	4,332,276,130
Chi phí phải trả xe cho thuê	137,441,794	165,017,319
Chi phí phải trả khác	150,000,000	350,928,518
<b>Cộng</b>	<b>8,120,714,682</b>	<b>7,939,509,417</b>

## 20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Phải trả các cty thành viên Mai Linh (i)	35,046,681,757	26,655,846,696
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1,295,803,925	538,162,835
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	13,768,591,342	11,001,565,205
Phải trả tiền thuê nhân hiệu	-	-
Phải trả nhân viên, lái xe	290,131,605	6,472,346,436
Phải trả thuế thu hộ xe HTKD chưa xử lý (iii)	30,258,630,544	30,162,643,444
Thu hộ thu nhập xe HTKD	10,193,985	30,543,787
Các khoản phải trả phải nộp khác	92,223,533,364	59,932,196,132
<i>Trong đó</i>		
- Mai Linh Đông Đô	51,387,838,839	27,886,765,445
- Phải trả cổ tức	18,112,244,865	14,340,877,440
	22,723,449,660	17,704,553,247
<b>Cộng</b>	<b>172,893,566,522</b>	<b>134,793,304,535</b>

01  
CÔNG  
CỔ  
PHẦN  
MAI  
LINH  
MIỀN  
BẮC



*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm*

**Chi tiết phải trả theo Tập đoàn**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
MLG và các Công ty con trực tiếp	34,976,839,516	26,419,357,417
Tập đoàn Bắc Trung Bộ	-	-
Tập đoàn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	-
Tập đoàn Đông Nam Bộ	-	-
Tập đoàn Tây Nam Bộ	-	-
Tập đoàn Taxi	-	-
Tập đoàn Sản xuất & Thương Mại	35,905,000	202,552,038
Tập đoàn Vận tải tốc hành (MLE)	33,937,241	33,937,241
Tập đoàn Du lịch (MLT)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35,046,681,757</b>	<b>26,655,846,696</b>

**21 Phải trả dài hạn**

	Tại ngày VND	Tại ngày VND
Phải trả tiền đặt cọc bán xe HTKD (*)	262,342,666,047	250,401,118,301
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	12,252,615,542	17,467,806,542
<b>Cộng</b>	<b>274,595,281,589</b>	<b>267,868,924,843</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****23 Doanh thu thuần**

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>153,005,267,738</b>	<b>194,882,090,925</b>
Doanh thu dịch vụ taxi	110,029,897,991	104,827,183,387
Doanh thu nhượng bán vật tư tài sản	12,570,471,154	60,140,487,873
Doanh thu dịch vụ sửa chữa		
Doanh thu cho thuê tài sản (ô tô)	3,050,344,760	9,623,174,003
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	1,325,544,888	2,206,374,431
Doanh thu dịch vụ khác	26,029,008,945	18,084,871,231
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>830,935,118</b>	<b>893,586,448</b>
- Chiết khấu thương mại	830,935,118	893,586,448
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>152,174,332,620</b>	<b>193,988,504,477</b>

**24 Giá vốn hàng bán**

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	<u>VND</u>	
Chi phí hoạt động taxi	83,228,527,009	97,651,379,363
Chi phí nhượng bán vật tư, tài sản	12,645,243,880	52,350,658,324
Chi phí hoạt động sửa chữa	-	
Chi phí cho thuê tài sản (ô tô)	378,364,892	4,874,952,702
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	2,148,085,665	2,182,552,775
Chi phí hoạt động dịch vụ khác	19,777,303,394	15,043,192,074
<b>Cộng</b>	<b>118,177,524,840</b>	<b>172,102,735,238</b>

**25 Doanh thu hoạt động tài chính**

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	563,685,290	2,226,074,329
Thu lãi hoạt động liên doanh, liên kết, cổ t	17,534,440,277	11,674,800,000
Lãi về hoạt động đầu tư chứng khoán		
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhãn hiệu	-	2,384,500,000
Thu lãi hoạt động tài chính khác	79,050,000,000	
	-	
<b>Cộng</b>	<b>97,148,125,567</b>	<b>16,285,374,329</b>

**26 Chi phí tài chính**

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp*

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5,424,740,019	7,447,696,551
Lãi thuê mua tài chính	44,632,799	1,039,959,247
Lỗ về hoạt động đầu tư chứng khoán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(539,619,970)
Chi phí tài chính khác	64,292,987,000	-
<b>Cộng</b>	<b>69,762,359,818</b>	<b>7,948,035,828</b>

## 27 Chi phí bán hàng

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	VND	VND
Chi phí thuê nhãn hiệu	2,796,045,475	1,363,445,456
Chi phí nhân viên ( lương, bảo hiểm, đồng)	1,612,705,136	610,222,581
Chi phí vật liệu	-	-
Chi phí Công cụ dụng cụ	-	-
Khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	2,575,018,821	452,154,546
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17,496,733,687	3,611,150,294
Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24,480,503,119</b>	<b>6,036,972,877</b>

## 28 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	VND	VND
Chi phí nhân viên ( lương, bảo hiểm, đồng)	4,679,291,834	3,495,966,031
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	303,256,780	107,042,624
Chi phí khấu hao	62,995,466	67,086,532
Thuế phí, lệ phí	366,286,012	170,508,034
Chi phí dự phòng	2,131,326,052	-
Chi phí lợi thế thương mại	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,953,581,223	2,842,892,027
Chi phí bằng tiền khác	104,564,584	95,590,909
<b>Cộng</b>	<b>9,601,301,951</b>	<b>6,779,086,157</b>

## 29 Thu nhập khác

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp

**29 Thu nhập khác**

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1,803,051,338	6,290,811,379
Thu nhập bán xe hợp tác kinh doanh	-	-
Bất lợi thương mại	-	-
Thu nhập thanh lý công ty con	-	-
Các khoản thu nhập khác	13,490,372,961	9,214,522,154
<b>Cộng</b>	<b>15,293,424,299</b>	<b>15,505,333,533</b>

**30 Chi phí khác**

	1/10/2015-31/12/2015 VND	1/10/2014-31/12/2014 VND
	VND	VND
Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ		4,975,329,942
Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý		
Chi phí bán xe hợp tác kinh doanh		
Chi phí thanh lý công ty con		
Các khoản chi phí khác	2,985,911,587	992,924,217
	<b>2,985,911,587</b>	<b>4,975,329,942</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Vân Nga

Trịnh Thị Thu

Hà Nội, Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám Đốc  
CỔ PHẦN  
MAI LINH  
MIỀN BẮC  
Đ. CẦU GIẤY, T.P. HÀ NỘI

Hồ Chương